Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 106

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ THƯỢNG CỐC

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 12B	Trường dạy nghề (Giáp ranh với địa phận xã Xuất Hóa) dọc theo QL12B	Giáp ranh địa phận xã Ngọc Mỹ, huyện Tân Lạc (cũ)	7.000	2.620	1.520	5.140	1.930	1.120	4.500	1.690	990
2	Đường liên xã Thượng Cốc - Quyết Thắng	Đường QL 12B đi qua ngầm Anh theo hướng đi Chí Thiện - Quyết Thắng	Điểm tiếp giáp xã Quyết Thắng (Bãi Cảm)	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
3		Đường QL 12B đi qua ngầm xóm Rậm Cọ theo hướng đi xóm Anh	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Sinh xóm Anh	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
4		Đường QL 12B tại Ngã ba trang theo hướng đi xã Quyết Thắng qua ngầm Trang	Hết địa phận xã Thượng Cốc	3.500	1.180	800	2.570	880	590	2.250	760	530
5	Đường liên xã Thượng Cốc - Nhân Nghĩa	Ngã ba xóm Ốc	Hết địa phận xã Thượng Cốc (xóm Lội Mương)	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
6	Các tuyến đường trục chính	Đường quốc lộ 12B (Xóm Mới) Ngã ba nhà Bình Ánh	Ngã ba rẽ đi UBND xã Thượng Cốc (xóm Lội Mương)	1.500	500	370	1.120	400	280	980	400	250
7		Ngã ba trạm điện Rộc Khửm	Đầu đường Hoa Ban	1.500	500	370	1.120	400	280	980	400	250
8		Ngã ba trường mầm non Văn Sơn	Ngã ba trường TH & THCS Văn Sơn	1.500	500	370	1.120	400	280	980	400	250
9		Ngã tư nhà văn hóa xóm Mận Bùi	Ngã ba quán nhà ông Bùi Văn Lục Xóm Mận Bùi theo hướng đi xóm Rộc Khủm	1.500	500	370	1.120	400	280	980	400	250
10		Giáp ranh xã Tân Lập theo hướng đi xóm Thượng Riêng	Hồ Xanh Bảy, xóm Thượng Riêng	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
11		Ngã ba trường THCS Miền Đồi theo hướng đi xóm Thăn	Ngã ba UBND xã Thượng Cốc	1.600	1.160	890	1.190	860	660	1.060	860	660

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
12	Các tuyến đường trục chính	Ngã ba nhà ông Liên Hội xóm Mận Bùi theo hướng đi xóm Lội, Mương	Ngã ba xóm Khụ khác	1.000	500	390	750	380	300	750	380	300
13		Ngã ba trường TH & THCS Văn Sơn theo hướng đi qua đập Hồ Rải	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Chiện xóm Khang Trào	1.000	500	390	750	380	300	750	380	300
14		Ngã ba ngần xóm Khang Trào theo hướng đi xóm Tre	Cổng nhà ông Phạm Văn Mộc xóm Khang Trào	1.000	500	390	750	380	300	750	380	300
15		Nhà ông Hiền Hương đi qua nhà văn hóa xóm Luống	Ngã ba trạm điện nhà văn hóa xóm Tre	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
16		Nhà ông Hoàng Văn Lâm đi qua nhà ông Bùi Văn Khánh	Hết địa phận xã Thượng Cốc (tiếp giáp xóm Cút, xã Tân Lạc)	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
17		QL 12B cửa nhà ông Dìa	Cửa nhà ông Luận, xóm Luống	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
18		Nhà Vinh Hương theo hướng đi vào Ngầm Cổm	Đập thủy Luân, xóm Cổm cũ	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
19		Nhà Ông Đặng Xuân Trường	Đập thủy Luân xóm Cổm	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
20		Nhà ông Bùi Văn Tiến theo hướng đi xóm Khặng	Tiếp giáp với đường vào ngầm Cổm	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
21		QL 12B cửa nhà ông Thơ rẽ trái	Nhà văn hóa cũ xóm Cốc, rẽ phải đến nhà văn hoá mới, xóm Cốc	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
22		Nhà ông Bùi Văn Nung theo hướng đi chi trường Mầm non Chi Mè	Khu vực nhà Khánh Diến xóm Mè Cổm	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
23		QL 12B cửa nhà ông Bùi Văn Hoàng đi về hướng nhà văn hóa xóm Cáo	Cửa nhà ông Bùi Văn Bè	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
24		Ngã ba nhà ông Huân xóm Mận Bùi theo hướng đi xóm Lội Mương	Ngã tư nhà ông Bùi Văn Ngầm xóm Lội Mương	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
25		Ngã ba xóm Khụ theo hướng đi hồ Khang Trào	Đầu cầu đường tràn Hồ Khang Trào	1.000	500	390	750	380	300	750	380	300
26		Đầu cầu đường tràn Hồ Khang Trào	Nhà văn hoá xóm Ráy	800	480	380	610	350	290	610	350	290

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
27	Đường trục xã, liên xóm	Ngã ba tiểu học, THCS Văn Sơn	Ngã ba xóm Rộc Khửm nhà bà Hoàng Thị Hoa	800	480	380	610	350	290	610	350	290
28		Ngã ba xóm Khang Trào (Nhà văn hoá cũ)	Ngã ba xóm Rộc Khửm nhà ông Bùi Văn Chợi	600	330	240	350	280	200	300	240	180
29		Ngã ba xóm Khụ (Nhà ông Cao Viết Huân)	Ngã tư đường vào Hồ Dín	600	330	240	350	280	200	300	240	180
30		Ngã ba nhà văn hoá xóm Khụ	Ngã tư đường đi hồ Khang Trào	600	330	240	350	280	200	300	240	180
31		Ngầm xóm Mè Cổm rẽ trái	Hết đất thổ cư nhà ông Cao Viết Dưng xóm Cổm, rẽ phải đến hết thửa đất nhà ông Bùi Văn Sơn xóm Mè Cổm	1.500	500	370	1.120	400	280	980	400	250
32		QL12B qua cổng nhà ông Bùi Chí Thặng xóm Khặng Vát	Nhà văn hóa cũ xóm Cốc	2.600	860	650	1.930	690	480	1.700	690	430
33		QL 12B đi qua trường Trung học cơ sở vào xóm Trang 2	Trường Mầm non xóm Trang	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
34		Ngã ba quán bà Cặm qua nhà ông Niền	Hết địa phận xã Thượng Cốc (tiếp giáp xóm Chuông Bắp, xã Yên Phú)	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
35		QL 12B đi qua nhà ông Thạo đến thửa đất ông Bùi Văn Thuận, rẽ đến thửa đất bà Quách Thị Don	Quán Cây Sy nhà ông Thuật	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
36		QL 12B nhà ông Bùi Văn Sẻn	Hết thửa đất ông Quách Văn Dành	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
37		QL12B nhà bà Lê Thị Cầm	Hết địa phận xã Thượng Cốc (tiếp giáp xóm Thượng Bầu, xã Yên Phú)	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
38		QL 12B đi qua cầu treo	Nhà ông Bùi Văn Khuyến xóm Rậm Cọ	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
39		Thửa đất ông Những	Ngã ba nhà ông Lảng, xóm Anh	2.000	1.000	780	1.500	750	590	1.500	750	590
40		Ngã ba nhà ông Khỏi	Cửa nhà ông Bùi Văn Táo, xóm Anh	1.200	720	480	880	540	370	810	520	320
41		Ngã ba vào nhà ông Bùi Văn Nhôm	Thửa đất nhà ông Bùi Văn Ờn, xóm Anh	1.200	720	480	880	540	370	810	520	320

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
42	Đường trục xã, liên xóm	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Cầu	Nhà ông Bùi Văn Hảo	600	330	240	350	280	200	300	240	180
43		Ngã ba gần Ngầm suối Cả	Nhà ông Bùi Văn Trưởn	600	330	240	350	280	200	300	240	180
44		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Nhỉnh	Nhà ông Bùi Văn Mê	600	330	240	350	280	200	300	240	180
45		Ngã tư nhà ông Bùi Văn Vượng	Nhà ông Bùi Văn Quỳn	600	330	240	350	280	200	300	240	180
46		Ngã tư nhà ông Bùi Văn Vượng xóm Thăn	Nhà ông Bùi Văn Chỉnh xóm Thây Voi	600	330	240	350	280	200	300	240	180
47		Ngã tư trạm y tế đi qua nhà văn hoá xóm Rểnh	Nhà ông Bùi Văn Khương xóm Rểnh	600	330	240	350	280	200	300	240	180
48		Ngã ba đầu ngầm cổng nhà ông Hiệu	Nhà ông Bùi Văn Minh, xóm Dóm Bái	600	330	240	350	280	200	300	240	180
49		Ngã ba cổng chào xóm Dóm Bái	Sân lễ hội ruộng bậc thang, xóm Dóm Bái	600	330	240	350	280	200	300	240	180
50		Sân lễ hội ruộng bậc thang, xóm Dóm Bái	Nhà ông Bùi Văn Thêu, xóm Vôi Hạ	600	330	240	350	280	200	300	240	180
51		Sân lễ hội ruộng bậc thang, xóm Dóm Bái	Nhà bà Bùi Thị Hợp, xóm Dóm Bái	600	330	240	350	280	200	300	240	180
52		Ngã ba nhà văn hoá xóm Thượng Riêng	Nhà ông Bùi Văn Dòn, xóm Thượng Riêng	600	330	240	350	280	200	300	240	180
53		Ngã ba xóm Thượng Riêng	Hết xã Thượng Cốc (giáp xóm Cóc, xã Tân Lạc)	600	330	240	350	280	200	300	240	180
*	**Các khu đấu giá, tái định cư**											
54	Khu nhà ở tại xóm Ốc, xã Thượng Cốc	Nhóm các lô đất ở liền kề tiếp giáp với đường QL 12B		7.190			2.880			2.160		
55		Nhóm các lô đất ở liền kề tiếp giáp với đường 19m		5.430			2.180			1.630		
56		Nhóm các lô đất ở liền kề tiếp giáp với mặt cắt đường 7,5 m		4.510			1.810			1.360		
57	Khu TĐC xóm Dóm Bái			2.000			1.500			1.500		
58	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			400			250			160		